

Số: 13/2020/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Nhật Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phạm Trí Tuấn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 15/2019/QĐST-HC ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định số 56/QĐ-SCBSBA ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc sửa chữa, bổ sung Quyết định số 15/2019/QĐST-HC.

Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật tố tụng hành chính, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về khiếu kiện “Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang”, giữa:

- *Người khởi kiện:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố S1, phường S2, thị xã S3, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: số 23 Đường 30/4, Phường 1, thành phố S, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 9.

Địa chỉ: số 2 Trường Sa, Phường 17, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố S, tỉnh Tiền Giang.

3. Ủy ban nhân dân huyện G1, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: số 09 Nguyễn Văn Côn, thị trấn T1, huyện G1, tỉnh Tiền Giang.

4. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: số 12 Trần Hưng Đạo, Phường 2, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà Ngô Thị M1, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 16 tháng 8 năm 2019, người khởi kiện bà Huỳnh Thị M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính nêu trên với lý do: Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang lấy lý do thời hiệu khởi kiện đã hết để đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng; cách xác định thời hiệu khởi kiện như vậy là ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi gia đình bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: đề nghị Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và quyết định sửa chữa bổ sung của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

XÉT THẤY:

[1] Ngày 20/12/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang nhận được đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị M với nội dung “Yêu cầu Tòa án tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thu hồi 5.577,0m², thửa đất số 28708.02.1043, tờ bản đồ BDC2 tại ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là thị xã G, tỉnh Tiền Giang) nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không đền bù, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho gia đình bà là trái pháp luật. Yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành quyết định về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình bà do Nhà nước thu hồi đất theo qui định pháp luật.”

[2] Ngày 30/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án sơ thẩm số 15/2019/QĐST-HC, do hết thời hiệu khởi kiện.

[3] Xét thấy, năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện G1 thực hiện Dự án làm Kênh B (kênh tiếp nước B) thuộc Công trình khu 2 vùng 3 - Dự án Ngọt hóa G, tỉnh Tiền Giang do Bản quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 9 làm chủ đầu tư. Kênh B có chiều dài 8,4km nhằm dẫn nước ngọt đê tưới tiêu úng, cải tại môi trường phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Thực hiện Dự án trên, Ủy ban nhân

dân không ban hành quyết định thu hồi, không đền bù hỗ trợ đất mà chỉ hỗ trợ, đền bù hoa màu, tài sản và vật kiến trúc bị ảnh hưởng trên cơ sở vận động nhân dân hiến đất. Trong đó, có 52 hộ dân bị ảnh hưởng bởi Dự án, bao gồm hộ bà Huỳnh Thị M. Tại Biên bản xác minh ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã B, công trình kênh B đã được các ngành, các cấp tổ chức họp dân thống nhất không bồi thường về diện tích đất ruộng bị ảnh hưởng mà chỉ hỗ trợ kinh phí di dời, công trình phụ, cây trái, hoa màu, vật kiến trúc.

[4] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại chính đơn khởi kiện của bà M thể hiện tại thời điểm Dự án Kênh B đi vào hoạt động vào năm 1997, bà M biết được việc Ủy ban nhân dân huyện G1 không ban hành quyết định thu hồi đất cũng như quyết định bồi thường, nhưng bà M không thực hiện quyền khởi kiện của mình.

[5] Tại Điều 31 của Luật khiếu nại tố cáo năm 1998 quy định: “*Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được có hành vi hành chính. Trong trường hợp vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu, thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại*”. Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996 (sửa đổi bổ sung năm 1998) quy định: “*Người khởi kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính phải làm đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính trong hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định của luật khiếu nại tố cáo mà khiếu nại không được giải quyết hoặc kể từ ngày giải quyết khiếu nại lần đầu mà không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại đó*”. Tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH2 ngày 24/11/2010 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

[6] Đối chiếu với qui định pháp luật, bà M cho rằng đã khiếu nại kéo dài Ủy ban nhân dân không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại nên trường hợp của bà là trở ngại khách quan là không có cơ sở chấp nhận. Hết thời hạn giải quyết khiếu nại nhưng bà M không khởi kiện. Đến ngày 20/12/2018, bà M có đơn khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang là đã hết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là đúng.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng phiên họp không chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của bà M và giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và Quyết định sửa chữa bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: bà Huỳnh Thị M có đơn xin miễn nộp tiền án phí, với lý do có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà M.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật tố tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị M.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 15/2019/QĐST-HC ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 56/QĐ-SCBSBA ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Huỳnh Thị M được miễn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Minh

Phạm Trí Tuấn

Phan Nhựt Bình